

BỘ NỘI VỤ

Số **678** /QĐ-BNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **04** tháng **7** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, thẩm định và ban hành
văn bản quy phạm pháp luật**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;
Căn cứ Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 của Chính phủ quy định chi tiết biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;
Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;
Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;
Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BTP ngày 07/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình ra thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành;
Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1182/QĐ-BNV ngày 31/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

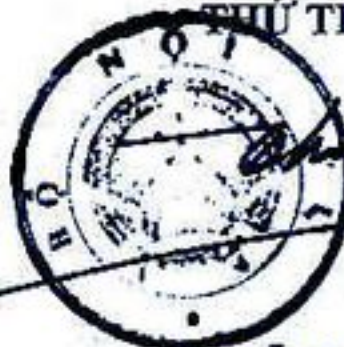
Điều 3. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Thăng

QUY CHẾ

Xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 678 /QĐ-BNV
ngày 02 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành. Quy chế này không áp dụng với văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ (sau đây gọi tắt là đơn vị), tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Nội vụ ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 3. Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Nội vụ thực hiện

1. Luật, nghị quyết của Quốc hội.
2. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
3. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với các cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.
4. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
5. Nghị định của Chính phủ.
6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
7. Thông tư của Bộ trưởng.
8. Thông tư liên tịch của Bộ trưởng với Bộ trưởng khác, với Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, với Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (sau đây gọi tắt là thông tư liên tịch).

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của văn bản trong hệ thống pháp luật; phù hợp thẩm quyền, hình thức văn bản.
2. Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản.
3. Bảo đảm tính khả thi của văn bản.
4. Bảo đảm tính công khai, khách quan, khoa học.
5. Bảo đảm ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 5. Chỉ đạo công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ trưởng chỉ đạo chung công tác soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
2. Đối với dự án, dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc các vấn đề quan trọng, Bộ trưởng quyết định việc lấy ý kiến của các Thứ trưởng.
3. Thứ trưởng chỉ đạo trực tiếp đơn vị hoặc lĩnh vực được Bộ trưởng phân công phụ trách về công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Chương II
CHƯƠNG TRÌNH
XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 6. Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Đơn vị đề xuất hoặc được lãnh đạo Bộ giao chủ trì xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị hồ sơ đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hàng năm hoặc nhiệm kỳ Quốc hội theo quy định tại Điều 2, khoản 1 khoản 3 Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

b) Gửi hồ sơ đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết hàng năm hoặc cả nhiệm kỳ Quốc hội đến Vụ Pháp chế theo thời gian:

Trước ngày 01/01 của năm trước năm dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm hoặc sớm hơn theo đề nghị của Vụ Pháp chế;

Trước ngày 01/02 của năm đầu tiên nhiệm kỳ Quốc hội đối với hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết theo nhiệm kỳ Quốc hội hoặc sớm hơn theo đề nghị của Vụ Pháp chế.

c) Hoàn chỉnh đề xuất khi chưa đầy đủ nội dung theo điểm a khoản 1 Điều này.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các đơn vị thành đề xuất của Bộ Nội vụ để trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định việc ký, gửi Bộ Tư pháp về xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

3. Đề xuất điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi đã được thông qua.

a) Đơn vị đề xuất hoặc được lãnh đạo Bộ giao chuẩn bị đề xuất điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm căn cứ theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 12 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP để đề xuất điều chỉnh. Trình tự, thủ tục thực hiện đề xuất theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các đơn vị thành đề xuất của Bộ Nội vụ để trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định việc ký, gửi Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ.

Điều 7. Chương trình xây dựng nghị định, nghị quyết liên tịch của Chính phủ

1. Đề xuất xây dựng nghị định của Chính phủ.

a) Đơn vị đề xuất hoặc được lãnh đạo Bộ phân công chủ trì đề xuất xây dựng nghị định của Chính phủ có trách nhiệm:

- Chuẩn bị hồ sơ đề xuất theo quy định tại khoản 2 khoản 3 khoản 4 khoản 6 Điều 14, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

- Gửi hồ sơ đề xuất xây dựng nghị định của Chính phủ đến Vụ Pháp chế chậm nhất trước ngày 01/7 của năm trước hoặc sớm hơn theo đề nghị của Vụ Pháp chế;

- Hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất khi chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất xây dựng nghị định của Chính phủ của các đơn vị theo quy định tại khoản 5 khoản 7 Điều 14 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định việc ký, gửi Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ.

2. Điều chỉnh chương trình xây dựng nghị định của Chính phủ.

a) Đơn vị chủ trì đề xuất hoặc được lãnh đạo Bộ phân công có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ đề xuất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khoản 1 khoản 2 Điều 19 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP.

b) Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các đơn vị gửi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 8. Chương trình xây dựng lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Đơn vị đề xuất hoặc được lãnh đạo Bộ phân công có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị đề xuất gồm: Tên văn bản, sự cần thiết ban hành, căn cứ pháp lý, đối tượng, phạm vi điều chỉnh để gửi Vụ Pháp chế. Trường hợp lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có nội dung phức tạp, tác động đến nhiều đối tượng, việc chuẩn bị đề xuất xây dựng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này;

b) Gửi hồ sơ đến Vụ Pháp chế đề xuất xây dựng lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, quyết định của Thủ tướng Chính phủ chậm nhất trước ngày 01/7 của năm trước hoặc sớm hơn theo đề nghị của Vụ Pháp chế;

c) Hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất khi chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất xây dựng lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, quyết định của Thủ tướng Chính phủ của các đơn vị gửi, trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định việc ký, gửi Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ.

3. Điều chỉnh chương trình xây dựng lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

a) Đơn vị chủ trì đề xuất hoặc được lãnh đạo Bộ phân công có trách nhiệm thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các đơn vị gửi theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 9. Chương trình xây dựng thông tư, thông tư liên tịch của Bộ trưởng

1. Đơn vị đề xuất có trách nhiệm:

a) Căn cứ yêu cầu thực tế lĩnh vực quản lý được phân công đề xuất xây dựng thông tư, thông tư liên tịch gồm các nội dung: Sự cần thiết ban hành; căn cứ pháp lý ban hành; nội dung quy định (tại điều, khoản) văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên quy định cần ban hành văn bản để quy định chi tiết hoặc hướng dẫn; phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; dự kiến danh mục thủ tục hành chính nếu có; dự kiến thời gian gửi hồ sơ thẩm định, trình Bộ trưởng ban hành (tính theo tháng); đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp; điều kiện bảo đảm để xây dựng và thực thi văn bản và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

b) Gửi đề xuất xây dựng thông tư, thông tư liên tịch trước ngày 01/7 năm trước đến Vụ Pháp chế để tổng hợp hoặc sớm hơn theo đề nghị của Vụ Pháp chế;

c) Hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất khi chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất xây dựng thông tư, thông tư liên tịch của các đơn vị gửi, trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

Chương III

SOẠN THẢO, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 10. Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết liên tịch của Chính phủ

1. Đơn vị được giao chủ trì xây dựng có trách nhiệm dự thảo quyết định của Bộ trưởng thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập gửi Vụ Tổ chức cán bộ.

2. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm chủ trì trình Bộ trưởng quyết định thành lập Ban soạn thảo; trình Trưởng Ban soạn thảo quyết định thành lập Tổ biên tập. Thành phần, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ của Ban soạn thảo, Tổ biên tập thực hiện theo quy định tại các Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP.

3. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có trách nhiệm cử người tham gia Ban soạn thảo khi được yêu cầu.

Điều 11. Xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết liên tịch của Chính phủ

1. Đơn vị chủ trì xây dựng có trách nhiệm:

a) Thực hiện xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết liên tịch của Chính phủ theo quy định tại Điều 33 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008; Điều 26, Điều 27 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

b) Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết liên tịch của Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính thì thực hiện việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP. Lấy ý kiến Cục Kiểm soát thủ tục hành chính trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Bộ Tư pháp chính phải được thể hiện thành một phần riêng trong văn bản tiếp thu, giải trình;

c) Chuẩn bị hồ sơ thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008. Đối với dự thảo văn bản có quy định về thủ tục hành chính thì chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP để gửi Bộ Tư pháp theo quy định;

d) Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện dự án, trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

đ) Việc soạn thảo văn bản theo thủ tục rút gọn được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 75, Điều 76 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

2. Vụ Pháp chế, các đơn vị có trách nhiệm tham gia ý kiến dự thảo theo đề nghị của đơn vị chủ trì xây dựng.

Điều 12. Xây dựng lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Đơn vị chủ trì xây dựng có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc xây dựng lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 58 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, Điều 31 và Điều 32 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

b) Đối với dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Quy chế này;

c) Chuẩn bị hồ sơ xây dựng lệnh, quyết định của Chủ tịch nước để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; chuẩn bị hồ sơ thẩm định dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

d) Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo, trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

đ) Soạn thảo văn bản theo thủ tục rút gọn được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 75, Điều 76 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

2. Vụ Pháp chế, các đơn vị có trách nhiệm tham gia ý kiến dự thảo theo đề nghị của đơn vị chủ trì xây dựng.

Điều 13. Xây dựng thông tư của Bộ trưởng

1. Đơn vị chủ trì xây dựng có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc xây dựng thông tư của Bộ trưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 34 và khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 35 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

b) Đối với dự thảo thông tư có quy định về thủ tục hành chính thì tiến hành đánh giá tác động về thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và lấy ý kiến Vụ Pháp chế những nội dung quy định về thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP;

c) Trường hợp dự thảo có liên quan đến lĩnh vực của nhiều đơn vị, nếu thấy cần thiết phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng thành lập Tổ soạn thảo.

2. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm chủ trì trình Bộ trưởng thành lập Tổ soạn thảo theo đề nghị của đơn vị chủ xây dựng dự thảo thông tư.

3. Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Tham gia ý kiến về nội dung dự thảo thông tư theo đề nghị của đơn vị chủ trì xây dựng bao gồm cả việc tham gia ý kiến nội dung về thủ tục hành chính tại dự thảo thông tư theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP;

b) Cử người tham gia Tổ soạn thảo khi nhận được đề nghị của đơn vị chủ trì xây dựng.

4. Các đơn vị có trách nhiệm:

a) Tham gia góp ý về dự thảo thông tư khi được gửi lấy ý kiến;

b) Cử người tham gia Tổ soạn thảo khi nhận được đề nghị của đơn vị chủ trì xây dựng.

Điều 14. Xây dựng thông tư liên tịch của Bộ trưởng

1. Xây dựng thông tư liên tịch mà Bộ Nội vụ là cơ quan chủ trì xây dựng.

a) Bộ trưởng phân công 01 (một) đơn vị làm đầu mối chủ trì xây dựng dự thảo;

b) Trách nhiệm của đơn vị chủ trì xây dựng, của Vụ Pháp chế và các đơn vị thực hiện theo Điều 13 Quy chế này.

2. Xây dựng thông tư liên tịch mà Bộ Nội vụ là cơ quan phối hợp.

a) Trên cơ sở ý kiến đề nghị xây dựng thông tư liên tịch của Bộ trưởng khác, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao với Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng phân công 01 (một) đơn vị làm đầu mối chủ trì, phối hợp xây dựng dự thảo;

b) Trình tự, thủ tục, trách nhiệm của đơn vị chủ trì xây dựng, của Vụ Pháp chế và các đơn vị áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Chương IV THẨM ĐỊNH THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Điều 15. Thẩm định thông tư

1. Đơn vị chủ trì xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ thẩm định đến Vụ Pháp chế gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định;

b) Dự thảo tờ trình Bộ trưởng;

c) Dự thảo văn bản đã được tham gia ý kiến lần cuối các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Bản tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bao gồm cả ý kiến góp ý của Vụ Pháp chế về thủ tục hành chính;

đ) Bản đánh giá tác động, tính toán chi phí tuân thủ về thủ tục hành chính trong dự thảo đối với dự thảo thông tư có quy định thủ tục hành chính;

e) Các ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân;

g) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Tiến hành thẩm định dự thảo theo các nội dung sau:

- Sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng, phạm vi điều chỉnh dự thảo;

- Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, chính sách của Đảng;

- Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật và tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên;

- Tính khả thi của dự thảo văn bản, bao gồm sự phù hợp giữa quy định của dự thảo văn bản với yêu cầu thực tế, trình độ phát triển của xã hội và điều kiện bảo đảm thực hiện;

- Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản;

- Thẩm định về thủ tục hành chính đối với thông tư có quy định về thủ tục hành chính theo các tiêu chí: về sự cần thiết của thủ tục hành chính; tính hợp lý của thủ tục hành chính; tính hợp pháp của thủ tục hành chính; các chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

b) Trong quá trình thẩm định nếu thấy cần thiết thì:

- Đề nghị đơn vị chủ trì xây dựng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến dự thảo;

- Trả lại hồ sơ cho đơn vị chủ trì xây dựng để hoàn chỉnh trong trường hợp phát hiện hồ sơ chưa theo quy định;

c) Trong thời hạn 09 (chín) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ gửi báo cáo thẩm định lại cho đơn vị chủ trì soạn thảo.

Điều 16. Thẩm định thông tư liên tịch

1. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy chế này.

2. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế trong việc thẩm định phần nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ tại dự thảo thông tư liên tịch được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này.

Điều 17. Hội đồng tư vấn thẩm định

1. Hội đồng tư vấn thẩm định được thành lập khi thông tư, thông tư liên tịch do Vụ Pháp chế chủ trì xây dựng hoặc dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến lĩnh vực của nhiều đơn vị. Nội dung thẩm định theo khoản 2 Điều 15 Quy chế này.

2. Trên cơ sở đề xuất của Vụ Pháp chế, Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định.

3. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có trách nhiệm cử người tham gia Hội đồng tư vấn thẩm định.

Chương V TRÌNH KÝ PHÁT HÀNH VĂN BẢN

Điều 18. Trình ký ban hành thông tư, thông tư liên tịch

1. Hồ sơ trình Lãnh đạo Bộ gồm:

a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư, thông tư liên tịch;

b) Dự thảo thông tư, thông tư liên tịch sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế, Hội đồng tư vấn thẩm định (nếu có);

c) Bản tổng hợp ý kiến, giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến của các đơn vị, ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế (bao gồm cả ý kiến đối với nội dung quy định thủ tục hành chính trong dự thảo thông tư đối với dự thảo thông tư có quy định thủ tục hành chính);

d) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế và của Hội đồng tư vấn thẩm định (nếu có);

2. Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo ký trình dự thảo và ký nháy vào cuối phần nội dung của dự thảo, các trang của phụ lục (nếu có). Đơn vị phối hợp soạn thảo (nếu được lãnh đạo Bộ phân công) ký vào Phiếu trình dự thảo và chịu trách nhiệm về nội dung có liên quan trong dự thảo thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Văn phòng Bộ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đầy đủ theo quy định, không trình Bộ trưởng dự thảo khi hồ sơ trình chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này.

Điều 19. Phát hành, đăng Công báo, gửi, đưa tin đối với văn bản quy phạm pháp luật là thông tư, thông tư liên tịch

1. Văn bản sau khi được ký, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ phát hành văn bản theo quy trình ISO của Bộ Nội vụ về phát hành văn bản.

2. Đơn vị chủ trì xây dựng văn bản có trách nhiệm đăng Công báo theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản gửi văn bản đến Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp và Vụ Pháp chế để tiến hành kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Chương VI

**HỢP NHẤT VĂN BẢN, ĐỊNH CHÍNH VĂN BẢN, DỊCH VĂN BẢN
RA TIẾNG NƯỚC NGOÀI, TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ,
CUNG CẤP THÔNG TIN CHO BÁO CHÍ**

Điều 20. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật phải được hợp nhất với văn bản được sửa đổi, bổ sung gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, văn bản liên tịch giữa Chính phủ với cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, của Thủ tướng Chính phủ mà Bộ Nội vụ được giao chủ trì soạn thảo;

b) Thông tư, thông tư liên tịch do Bộ Nội vụ chủ trì soạn thảo.

2. Đơn vị chủ trì xây dựng văn bản có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc hợp nhất văn bản theo quy định tại Chương III Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật;

b) Gửi dự thảo văn bản hợp nhất đến Vụ Pháp chế để tham gia ý kiến về kỹ thuật hợp nhất, tính chính xác của phần nội dung văn bản được hợp nhất;

c) Trình Bộ trưởng để ký xác thực và phát hành văn bản theo quy định của pháp luật sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của Vụ Pháp chế và đăng tải văn bản theo quy định của pháp luật.

3. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tham gia ý kiến về kỹ thuật hợp nhất, tính chính xác về nội dung được hợp nhất của văn bản.

Điều 21. Đính chính văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản quy phạm pháp luật sau khi được ban hành, đăng Công báo nếu phát hiện có sai sót về chính tả, lỗi thể thức, lỗi kỹ thuật thì phải được đính chính. Việc đính chính phải thể hiện bằng quyết định của Bộ trưởng và phải được đăng Công báo.

Điều 22. Dịch văn bản ra tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm căn cứ yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định việc dịch văn bản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ ra tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số theo quy định tại Điều 51, Điều 52 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP.

2. Vụ Pháp chế, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản trong công tác dịch văn bản ra tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số khi được đề nghị.

Điều 23. Cung cấp thông tin xây dựng thông cáo báo chí

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo nghị định, nghị quyết liên tịch của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2013/TT-BTP ngày 07/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình ra thông cáo báo chí đến Vụ Pháp chế bằng công văn và thư điện tử trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ký ban hành.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp thông tin của đơn vị chủ trì soạn thảo gửi, trình Thủ trưởng phụ trách để ký, gửi thông tin đến Bộ Tư pháp trong thời hạn (02) ngày làm việc.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Kinh phí xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, triển khai các nội dung kiểm soát thủ tục hành chính; thực hiện công tác hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật theo quy định chung của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

1. Tổng hợp đề chuẩn bị chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của Bộ Nội vụ trên cơ sở nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân công cho Bộ Nội vụ chủ trì thực hiện và ý kiến đề xuất của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

2. Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo dự án, dự thảo theo phân công của Bộ trưởng.

3. Góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến bao gồm cả những quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo.

5. Thẩm định dự thảo thông tư, thông tư liên tịch.

6. Kiểm tra tính chính xác về nội dung và kỹ thuật hợp nhất của dự thảo văn bản hợp nhất.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

8. Đề xuất những biện pháp nâng cao chất lượng, đảm bảo tiến độ soạn thảo, ban hành dự án, dự thảo.

Điều 26. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm:

a) Đề xuất danh mục dự án, dự thảo để đề nghị đưa vào chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

b) Lập dự toán và điều chỉnh dự toán kinh phí cho công tác soạn thảo dự án, dự thảo của đơn vị theo quy định;

c) Thực hiện việc xây dựng văn bản khi được lãnh đạo Bộ phân công, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt;

d) Báo cáo với Thứ trưởng phụ trách để có ý kiến trước khi gửi đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề lớn hoặc phát sinh trong quá trình soạn thảo;

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ trước ngày 25 hàng tháng chủ động gửi Vụ Pháp chế báo cáo về tình hình thực hiện chương trình xây dựng dự án, dự thảo

gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, nội dung gồm: Tên gọi của văn bản; tiến độ xây dựng của dự án, dự thảo; những công việc chính hiện đang thực hiện; những nội dung lớn của dự án, dự thảo đang vướng mắc, khó khăn trong quá trình soạn thảo; dự kiến công việc thời gian tới; việc bảo đảm tiến độ đã được giao; dự kiến thời gian sẽ trình văn bản; ý kiến đề xuất với Bộ trưởng để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để Vụ Pháp chế tổng hợp để thực hiện việc theo dõi, đôn đốc và để gửi Vụ Tổ chức cán bộ phục vụ cho công tác đánh giá các đơn vị 6 tháng đầu năm và cuối năm (hoặc) báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Vụ Pháp chế;

e) Thực hiện đánh giá tác động đối với luật, pháp lệnh trước, trong và sau khi văn bản có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP.

2. Trung tâm Thông tin có trách nhiệm:

a) Bảo đảm thông tin, cơ sở dữ liệu pháp luật được liên tục, đầy đủ để phục vụ cho công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản;

b) Đăng tải hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để lấy ý kiến, văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành theo đề nghị của đơn vị chủ trì soạn thảo và đăng tải các quy định về thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của Bộ theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP.

3. Vụ Kế hoạch Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, lập, thẩm định và phân bổ dự toán kinh phí hàng năm của Bộ cho công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Văn phòng Bộ có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan để xây dựng dự toán ngân sách hàng năm về công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ;

b) Bảo đảm các điều kiện cần thiết phục vụ cho công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thanh toán kinh phí trực tiếp cho đơn vị thực hiện xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Các đơn vị khác có trách nhiệm:

a) Tham gia ý kiến vào dự án, dự thảo có chất lượng, đúng thời hạn;

b) Cử người tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập các dự án, dự thảo và Hội đồng tư vấn thẩm định khi có đề nghị;

c) Phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu thấy vướng mắc, phản ánh kịp thời về Vụ Pháp chế đề nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Thăng